

**PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT****CHÍNH PHỦ****CHÍNH PHỦ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 103/2011/NĐ-CP

*Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2011***NGHỊ ĐỊNH****Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 133/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ****CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ,

**NGHỊ ĐỊNH:**

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 133/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ (sau đây viết tắt là Nghị định số 133/2008/NĐ-CP)

**1. Điểm b khoản 1 Điều 7 và điểm d khoản 2 Điều 12 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

“Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực hợp đồng chuyển giao công nghệ bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Trong trường hợp các bên tham gia chuyển giao công nghệ là tổ chức, cá nhân Việt Nam thì chỉ cần bản hợp đồng chuyển giao công nghệ bằng tiếng Việt. Hợp đồng phải được các bên ký kết, đóng dấu và có chữ ký tắt của các bên, đóng dấu giáp lai vào các trang của hợp đồng và phụ lục nếu một trong các bên tham gia hợp đồng là tổ chức”.

**2. Điểm a khoản 2 Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

“Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung hợp đồng chuyển giao công nghệ theo mẫu nêu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 133/2008/NĐ-CP”.

**3. Điểm b khoản 2 Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

“Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực hợp đồng sửa đổi, bổ sung bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Trong trường hợp các bên tham gia chuyển giao công nghệ là tổ chức, cá nhân Việt Nam thì chỉ cần bản hợp đồng chuyển giao công nghệ sửa đổi, bổ sung bằng tiếng Việt. Hợp đồng phải được các bên ký kết, đóng dấu và có chữ ký tắt của các bên, đóng dấu giáp lai vào các trang của hợp đồng và phụ lục nếu một trong các bên tham gia hợp đồng là tổ chức”.

**4. Khoản 3 Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

“Hồ sơ đăng ký sửa đổi, bổ sung hợp đồng chuyển giao công nghệ được lập thành 03 bộ, trong đó 01 bộ hồ sơ gốc và 02 bộ sao chụp. Bên nhận công nghệ (trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam và chuyển giao công nghệ trong nước) hoặc bên giao công nghệ (trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài) thay mặt các bên gửi đến cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký sửa đổi, bổ sung”.

**5. Bổ sung khoản 4 Điều 8 như sau:**

“4. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định này xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký sửa đổi, bổ sung hợp đồng chuyển giao công nghệ, trường hợp không cấp Giấy chứng nhận đăng ký sửa đổi, bổ sung hợp đồng chuyển giao công nghệ thì cơ quan có thẩm quyền phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do”.

**6. Khoản 2 Điều 10 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

“Tổ chức, cá nhân có nhu cầu tiếp nhận hoặc chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao gửi hồ sơ đến Bộ Khoa học và Công nghệ để xin chấp thuận chuyển giao công nghệ.

Bên nhận công nghệ (trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam và chuyển giao công nghệ trong nước) hoặc bên giao công nghệ (trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài) thay mặt các bên gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận chuyển giao công nghệ đến Bộ Khoa học và Công nghệ đề nghị chấp thuận công nghệ chuyển giao”.

**Điều 2. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2012.
2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

**TM. CHÍNH PHỦ  
THỦ TƯỚNG**

**Nguyễn Tấn Dũng**

**Phụ lục**  
**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**  
**HỢP ĐỒNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ**  
*(Ban hành kèm theo Nghị định số 103/2011/NĐ-CP*  
*ngày 15 tháng 11 năm 2011 của Chính phủ)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Tỉnh (thành phố), ngày..... tháng..... năm.....*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ**  
**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG HỢP ĐỒNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ**

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc  
 Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh (thành phố).....

**I. CÁC BÊN THAM GIA HỢP ĐỒNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ**

1. Bên giao công nghệ:

Tên (tổ chức/cá nhân):.....

Địa chỉ:.....

Tel:.....; Email:.....; Fax:.....

Các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính:.....

Tên người đại diện:.....; Chức danh:.....

Số CMT/hộ chiếu:.....

2. Bên nhận công nghệ:

Tên (tổ chức/cá nhân):.....

Địa chỉ:.....

Tel:.....; Email:.....; Fax:.....

Các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính:.....

Tên người đại diện:.....; Chức danh:.....

Số CMT/hộ chiếu:.....

**II. HỢP ĐỒNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ ĐÃ ĐƯỢC CẤP ĐĂNG KÝ**

1. Giấy chứng nhận đăng ký:

- Số GCN:.....

- Ngày cấp:.....

- Nơi cấp:.....

2. Tên công nghệ:.....

3. Nội dung chuyển giao công nghệ (nêu cụ thể nội dung chuyển giao: Bí quyết công nghệ, tài liệu kỹ thuật, đào tạo, trợ giúp kỹ thuật và các đối tượng SHCN):.....

4. Sản phẩm của công nghệ chuyển giao:

- Sản phẩm (tên, ký mã hiệu sản phẩm):.....

- Tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm (tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn VN hay tiêu chuẩn cơ sở,...):.....

- Tỷ lệ xuất khẩu:.....

5. Dạng chuyển giao công nghệ:

- Độc quyền  Không độc quyền

- Được chuyển giao lại  Không được chuyển giao lại

6. Phạm vi lãnh thổ công nghệ được chuyển giao:

- Lãnh thổ được chuyển giao:.....

- Vùng, miền được chuyển giao (miền Bắc, miền Trung, miền Nam):.....

(Ghi cụ thể địa bàn chuyển giao)

7. Giá công nghệ chuyển giao:

- Phương thức thanh toán:.....

- Mức phí:.....

8. Thời hạn hợp đồng chuyển giao công nghệ:.....

9. Thời hạn hiệu lực của hợp đồng chuyển giao công nghệ:.....

10. Số lần bổ sung, sửa đổi hợp đồng chuyển giao công nghệ:.....

- Sửa đổi, bổ sung lần 1:.....

+ Nội dung sửa đổi, bổ sung:.....

+ Số GCN đăng ký sửa đổi, bổ sung:.....

- Sửa đổi, bổ sung lần 2:.....

+ Nội dung sửa đổi, bổ sung:.....

+ Số GCN đăng ký sửa đổi, bổ sung:.....

- .....

### **III. HỢP ĐỒNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**

- Nội dung sửa đổi, bổ sung (nêu cụ thể bổ sung, sửa đổi điều khoản nào trong hợp đồng chuyển giao công nghệ):.....

- Nội dung sửa đổi, bổ sung khác:.....

- Lý do sửa đổi, bổ sung hợp đồng chuyển giao công nghệ:.....

.....

- Mức phí (nếu có - nêu rõ sự thay đổi phí chuyển giao công nghệ khi có sự sửa đổi, bổ sung hợp đồng chuyên giao công nghệ):.....

#### **IV. CÁC VĂN BẢN KÈM THEO ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ BỔ SUNG, SỬA ĐỔI HỢP ĐỒNG CHUYÊN GIAO CÔNG NGHỆ**

- Hợp đồng CGCN sửa đổi, bổ sung bằng tiếng Việt, số lượng bản:  
.....

- Hợp đồng CGCN sửa đổi, bổ sung bằng tiếng (nước ngoài), số lượng bản:  
.....

- Các văn bản khác:

+ Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyên giao công nghệ và Giấy chứng nhận đăng ký sửa đổi, bổ sung hợp đồng chuyên giao công nghệ đã được cấp (nếu có).

+ Văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư đối với hợp đồng chuyên giao công nghệ sửa đổi, bổ sung những nội dung thuộc thẩm quyền chấp thuận của cơ quan quyết định đầu tư (nếu có sử dụng vốn nhà nước).

+ Giấy ủy quyền (trong trường hợp ủy quyền cho bên thứ ba thực hiện thủ tục đăng ký hợp đồng chuyên giao công nghệ sửa đổi, bổ sung).

Chúng tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

#### **TM. CÁC BÊN BÊN NHẬN**

*(Chữ ký, tên, chức vụ người ký và đóng dấu)  
đối với chuyển giao công nghệ trong nước hoặc  
chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam*

#### **Hoặc BÊN GIAO**

*(Chữ ký, tên, chức vụ người ký và đóng dấu)  
đối với chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài*